

Tác động của toàn cầu hóa đến dư luận xã hội vùng dân tộc thiểu số ở Việt Nam¹

Phan Tân^(*)

Lê Thị Thùy Ly^(**)

Tóm tắt: Kể từ khi đất nước bắt đầu tiến hành công cuộc Đổi mới (năm 1986), hội nhập, toàn cầu hóa đã tác động ngày càng lớn đến đời sống kinh tế, văn hóa và xã hội vùng dân tộc thiểu số (DTTS) cũng như bức tranh dư luận xã hội (DLXH) nơi đây qua việc làm thay đổi những thực hành liên quan của người dân. Kết quả khảo sát thực địa của chúng tôi cho thấy, người dân vùng DTTS đã không ngừng mở rộng những vấn đề quan tâm của mình trong bối cảnh mới, và - bằng phương tiện truyền thông kỹ thuật số - họ đã bày tỏ được với nhiều người hơn, ở nhiều nơi, vào nhiều thời điểm và theo nhiều cách thức đa dạng hơn về điều họ muốn thể hiện.

Từ khóa: Dư luận xã hội, Toàn cầu hóa, Dân tộc thiểu số, Việt Nam

Abstract: Since Doi moi (Renovation) in 1986, integration and globalization has made an increasingly large impact on the economic, cultural and social life of the ethnic minorities and the public opinion therein reflected by relevant practical changes of the local people. The fieldwork results show that ethnic minorities have continually raised more concerns in a new context and thanks to digital media, shared with more people, in more places, at more times and in more diverse ways what they want to express.

Key words: Public Opinion, Globalization, Ethnic Minorities, Vietnam

Mở đầu

Ở Việt Nam có 53 DTTS. Theo Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011

của Chính phủ về công tác dân tộc, vùng DTTS là địa bàn có đông các DTTS cùng sinh sống ổn định thành cộng đồng trên lãnh thổ đất nước.

Trên tinh thần xác định hội nhập kinh tế là trọng tâm để từ đó mở rộng ra các lĩnh vực khác, quá trình hội nhập với toàn cầu đã đưa đến những chuyển biến mạnh mẽ về kinh tế và tiếp đó là về xã hội và văn hóa ở Việt Nam. Đặc biệt, vùng DTTS, vùng núi cao, vùng sâu, vùng xa tưởng chừng như sẽ khó khăn với tiến trình hội nhập thì cũng đã có nhiều thay đổi, trong đó có những thay đổi về bức tranh DLXH.

¹ Bài viết là kết quả của Đề tài khoa học cấp Nhà nước “Những vấn đề lý luận và thực tiễn về dư luận xã hội ở vùng dân tộc thiểu số nước ta trong bối cảnh toàn cầu hóa”, Mã số: CTDT.37.18/16-20, do TS. Phan Tân chủ nhiệm, Học viện Khoa học xã hội chủ trì.

^(*) TS., Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;
Email: phantanxh@gmail.com

^(**) TS., Viện Nghiên cứu Văn hóa, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;
Email: lethithuyly@gmail.com

1. Vài nét về vùng dân tộc thiểu số dưới tác động của toàn cầu hóa

Vùng DTTS Việt Nam chia sẻ bối cảnh chung với các vùng miền khác khi đất nước đẩy mạnh hội nhập. Đặc biệt kể từ khi Đổi mới, Việt Nam là một trong những nước đang phát triển nhận được nhiều dự án về kinh tế và văn hóa - xã hội do nước ngoài và các tổ chức quốc tế tài trợ mà vùng DTTS chính là đích đến của một số lượng dự án đáng kể trong số đó.

Người dân vùng DTTS đã đón nhận cả hai dòng chảy lớn nhất của toàn cầu hóa: toàn cầu hóa về kinh tế và toàn cầu hóa về văn hóa.

* *Về kinh tế*: Toàn cầu hóa đã làm thay đổi cơ bản hoạt động kinh tế của Việt Nam nói chung và vì thế, nó cũng dẫn đến sự gắn kết của thị trường vùng DTTS với thị trường quốc tế về hàng hóa, dịch vụ, tài chính - tiền tệ... Điều này mang lại cả những ảnh hưởng tích cực lẫn tiêu cực đối với đời sống của người dân vùng DTTS.

Những mặt tích cực có thể kể đến là: *Thứ nhất*, kinh tế của vùng DTTS có điều kiện hội nhập với thế giới bên ngoài, mở rộng cơ hội tìm kiếm thị trường và thu hút vốn đầu tư. *Thứ hai*, sự hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu đem đến khả năng khai thác một cách hiệu quả thế mạnh của từng địa phương cho sự phát triển (ví dụ như thế mạnh về sản phẩm du lịch, về các mặt hàng nông nghiệp truyền thống...). *Thứ ba*, xu thế toàn cầu hóa đặc biệt mở ra triển vọng lớn cho các địa phương trong việc tiếp thu những thành tựu về khoa học - công nghệ hiện đại để “đi tắt đón đầu”, rút ngắn được khoảng cách phát triển với các khu vực khác.

Bên cạnh đó, toàn cầu hóa cũng khiến vùng DTTS Việt Nam phải đối mặt với một số vấn đề. *Thứ nhất*, sự thúc đẩy khai thác tài nguyên cho mục đích công nghiệp hóa

và những hệ lụy của việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng cho mục đích xuất khẩu dẫn đến việc người dân vùng DTTS tại chỗ mất tư liệu sản xuất. *Thứ hai*, mặt trái từ sự đầu tư dồn dập của các tập đoàn kinh tế bên ngoài vào các vùng DTTS gây ảnh hưởng lớn tới môi trường sống nơi đây cả về mặt tự nhiên và xã hội, khiến cho tình trạng ô nhiễm (đất, không khí, nguồn nước...), bệnh tật, tệ nạn xã hội... gia tăng. *Thứ ba*, việc di cư ồ ạt lên vùng cao thúc đẩy mâu thuẫn tộc người do khả năng tự bảo vệ của người dân tộc tại chỗ còn hạn chế (liên quan đến vốn kinh tế, vốn xã hội...), khiến vùng DTTS có nhiều bất ổn. *Thứ tư*, bối cảnh mới khiến cho cơ hội nghề nghiệp của người dân vùng DTTS tại chỗ không nhiều, vì nhìn chung họ không phải luôn có đủ trình độ, kỹ năng, kinh nghiệm... để đáp ứng. *Thứ năm*, năng lực thị trường thấp khiến người dân vùng DTTS có nguy cơ tụt hậu khi tham gia vào nền kinh tế toàn cầu, làm gia tăng khoảng cách giàu nghèo ở đây.

* *Về văn hóa*: Toàn cầu hóa thúc đẩy sự giao lưu giữa các hệ giá trị văn hóa trên thế giới với hệ giá trị văn hóa dân tộc. Nó tạo điều kiện cho những hệ giá trị văn hóa mới từ bên ngoài du nhập, dẫn đến việc người dân vừa tiếp thu các chuẩn mực/giá trị mới, vừa đánh giá/lựa chọn lại các chuẩn mực/giá trị cũ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, điều này đã góp phần làm thay đổi văn hóa của nhiều tộc người, nhiều vùng miền. Đặc biệt, bối cảnh toàn cầu hóa khiến người dân vùng DTTS có cơ hội tiếp xúc với các hệ tư tưởng khác nhau trên thế giới, dẫn đến việc nhìn nhận lại các ngôn thuyết liên quan đến tiến hóa luận, qua đó làm họ có ý thức cao hơn/khác đi về vấn đề tộc người, vấn đề dân chủ - nhân quyền...

Cũng như ảnh hưởng của toàn cầu hóa kinh tế, ảnh hưởng của toàn cầu hóa

văn hóa đối với người dân vùng DTTS có tính đa chiều. Bên cạnh việc nền văn hóa của mỗi dân tộc có cơ hội lan tỏa ra bên ngoài cũng như tiếp nhận những yếu tố bên ngoài để làm phong phú cho chính mình, người dân vùng DTTS cũng phải đối mặt với những nguy cơ mà tiêu biểu là nguy cơ xóa nhòa các đường biên văn hóa dẫn đến xung đột giữa các nền văn hóa và nguy cơ bị “hòa tan”.

2. Tác động của toàn cầu hóa đến dư luận xã hội của người dân

Trong bối cảnh vùng DTTS chịu tác động mạnh mẽ của toàn cầu hóa, dư luận xã hội của người dân nơi đây cũng chịu tác động đáng kể. Dưới đây là một số ghi nhận của chúng tôi trong quá trình điền dã ở 11 tỉnh thành từ Bắc vào Nam thuộc vùng DTTS trong khuôn khổ Đề tài khoa học cấp Nhà nước “Những vấn đề lý luận và thực tiễn về dư luận xã hội ở vùng dân tộc thiểu số nước ta trong bối cảnh toàn cầu hóa”¹.

2.1. Phương tiện truyền thông - một trong những công cụ đưa người dân vùng dân tộc thiểu số bước vào toàn cầu hóa

Trong số các phương tiện truyền thông mà người dân có thể tiếp cận, chúng tôi tập trung phân tích hai kênh quan trọng là *truyền hình* và *Internet* - những phương tiện đã đưa thế giới đến gần hơn với người dân ở vùng DTTS và vì thế có vị trí quan trọng trong đời sống DLXH nơi đây.

Khảo sát của chúng tôi cho thấy, truyền hình là một trong những kênh quan trọng hàng đầu hiện nay đối với người dân các khu vực này trong việc tìm kiếm thông tin (72,6% người được khảo sát tiếp cận thông tin qua kênh này).

Theo nghiên cứu của C. Baker (2008), truyền hình là phương tiện truyền thông nằm trong mối quan tâm của công chúng trên thế giới. Còn theo kết quả nghiên cứu của chúng tôi, hiện nay ở Việt Nam, truyền hình vẫn đang chiếm một vị trí đặc biệt ý nghĩa trong việc tiếp cận thông tin của người dân vùng DTTS, giúp người dân tiếp cận với cả những vấn đề vượt lên trên biên giới quốc gia. Sự hiện diện phổ biến của chiếc tivi trong các gia đình đã khiến truyền hình trở thành kênh truyền thông giữ vị trí quan trọng trong đời sống tinh thần thường nhật của người dân nơi đây. Một phần đáng kể nhờ đó mà người dân vùng DTTS không còn ở trong tình trạng thiếu thông tin từ các phương tiện truyền thông đại chúng, kể cả trong trường hợp họ không biết chữ (vì “báo hình” đáp ứng được nhu cầu thông tin của cả những người mù chữ). Trong các chương trình truyền hình, *thời sự* (bao gồm cả thời sự quốc tế) là một trong những chương trình được yêu thích của rất nhiều người dân ở vùng DTTS. Ngoài ra, các kênh truyền hình phải trả phí cũng không còn xa lạ với những gia đình ở vùng trung tâm, hoặc những gia đình có điều kiện khá giả ở vùng ngoại vi.

Internet cũng là kênh quan trọng trong việc tìm kiếm, trao đổi thông tin của người dân vùng DTTS. Dù chưa phủ sóng hoàn toàn ở vùng này, nhưng Internet đã được sử dụng bởi hơn 1/3 số người được hỏi (38,2%), trong số đó 76,3% truy cập nhiều hơn 1 lần/ngày, 16,9% truy cập 1 lần/3-4 ngày; số người cả tuần mới truy cập một lần chỉ chiếm 6,8%. So với kết quả nghiên cứu

¹ Đề tài đã triển khai khảo sát trên địa bàn 11 tỉnh có đông đồng bào DTTS sinh sống (gồm: Lạng Sơn, Hà Giang, Lai Châu, Sơn La, Nghệ An, Kon Tum, Đắk Lắk, Ninh Thuận, Bình Phước, Trà Vinh, Kiên Giang) với 3.283 bảng hỏi, 550 phỏng vấn sâu. Khảo sát được thực hiện trong thời gian 2 năm 2018-2019. Các số liệu, bảng biểu trình bày trong bài viết lấy từ kết quả khảo sát thực tế của Đề tài. Các ý kiến phỏng vấn sâu được trích dẫn từ tư liệu điền dã của Đề tài.

của D. Trend hơn một thập niên trước, khi phần lớn các tộc người không thuộc phương Tây và đa số dân cư trên thế giới vẫn chưa thể sử dụng Internet do “thiếu tiền, thiếu sự tiếp cận hoặc không có kiến thức” (Trend, 2005: 2), thì con số này ở vùng DTTS Việt Nam hiện nay là rất đáng kể.

Mặc dù còn có những tranh cãi, nhưng Internet được xem như một không gian của sự dân chủ hóa (Poster, 1997). Trước hết, nó tạo điều kiện cho sự lưu hành thông tin và đối thoại. Sau nữa, do đặc tính siêu văn bản khi văn bản này dẫn dắt đến văn bản khác bởi các đường liên kết điện tử, nó khiến độc giả có tính tích cực (Landow, 2005). Tất cả những điều đó đều gắn với sự dân chủ, vì tự do thông tin luôn là “hòn đá tảng” của dân chủ. Trên thực tế, với việc mở ra những cơ hội mới trong đối thoại đa phương, Internet đã tạo ra một không gian tự do cho đời sống dư luận của người dân Việt Nam nói chung và người dân vùng DTTS nói riêng. Internet tạo cơ hội cho tất cả mọi người được tiếp cận và chia sẻ thông tin, không phân biệt sắc tộc, dân tộc, giới tính, tuổi tác, nghề nghiệp, địa vị xã hội... Đúng như nhận định của S. Sassen (2002), Internet chính là một phương tiện trung gian để những người thường bị xem là “không phải tinh hoa” đóng góp vào một xã hội dân sự dân chủ hơn. Nói cách khác, nó cho phép tất cả các nhóm bị loại trừ tham gia vào các quá trình dân chủ.

Để truy cập Internet, số liệu khảo sát của chúng tôi cho thấy, người dân chủ yếu sử dụng điện thoại thông minh (smartphone) thay vì các thiết bị khác, không chỉ vì nó có sự “hội tụ công nghệ” (đa chức năng), mà còn vì nó thuận tiện trong việc sử dụng. Trong số 83,7% thông tin viên cho biết có sử dụng điện thoại, có tới một nửa sử dụng điện thoại thông minh, và hầu hết những

người sử dụng Internet cũng là những người sử dụng điện thoại thông minh (93,7%).

Điện thoại thông minh thực tế vẫn là một thứ tài sản khá có giá trị với nhiều người dân vùng DTTS. Ở vùng ngoại vi, việc có được một chiếc điện thoại thông minh là một sự cố gắng nhất định: *Điện thoại của tôi mua trả góp hàng tháng. Đã mua đứt được đâu, tháng năm trăm ngàn! Người ta có mình phải có chứ, người ta mua được mình cũng phải mua được. Thời buổi này là thời buổi công nghệ mà* (nam, 40 tuổi, người M’Nông, xã Yang Tao, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk). Ngược lại, ở khu vực trung tâm, điện thoại thông minh hết sức phổ biến, và việc không có nó sẽ bị xem là một sự lạ: *Bây giờ mà không dùng nó thì có mà không bình thường à?* (nam, 40 tuổi, người Nùng, thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn).

Có thể nói, bức tranh DLXH ở vùng DTTS hiện nay liên quan nhiều đến những điều kiện về truyền thông khi mà sự giao lưu với thế giới bên ngoài dân tộc, ngoài địa phương, thậm chí ngoài đất nước của người dân được cải thiện.

2.2. Những thay đổi về nội dung và hình thức trong dư luận xã hội vùng dân tộc thiểu số

Toàn cầu hóa tác động mạnh mẽ đến quá trình hình thành DLXH của vùng DTTS về cả nội dung và hình thức.

* Nội dung

Dưới tác động của toàn cầu hóa, người dân vùng DTTS Việt Nam không còn chỉ giới hạn “mô hình quan tâm” ở những sự kiện, hiện tượng có ảnh hưởng trực tiếp đến mình như trước (Cantril, 1966). Do sự bùng nổ của công nghệ thông tin, người dân nơi đây ngày càng quan tâm nhiều hơn đến những vấn đề xã hội, không chỉ ở địa phương mà còn cả ở ngoài phạm vi dân tộc,

địa phương, vùng miền, có thể là những vấn đề rộng lớn mang tính toàn cầu như ô nhiễm môi trường, khủng bố, buôn người xuyên biên giới, buôn bán hàng giả...

Ô nhiễm môi trường toàn cầu là vấn đề được người dân đề cập khá nhiều. Tuy nhiên, chiếm vị trí quan trọng trong mối quan tâm của dư luận vùng DTTS vẫn là những vấn đề thiết thân của người dân ở địa phương, trong đó nổi bật nhất chính là vấn đề sinh kế: sự suy thoái của đất đai và nguồn nước sản xuất do ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường; tình trạng bị vô hiệu hóa của tri thức bản địa trong nông nghiệp; sự phụ thuộc bất khả kháng của hộ gia đình vào hệ thống kinh tế bên ngoài; sự bất bình đẳng trong thu nhập và trong việc tiếp cận các cơ hội phát triển; việc được đền bù tư liệu sản xuất chưa thỏa đáng từ các dự án phát triển... Những vấn đề này ít nhiều đều có liên quan đến các giá trị mới - cái được hình thành bởi toàn cầu hóa. Trong đó, đáng chú ý nhất là những vấn đề liên quan đến ý thức về quyền con người và tộc người.

* Hình thức

Về đối tượng: Trước đây, người dân thường chỉ trao đổi thông tin với những người thân quen. Nhưng hiện tại, bên cạnh những mối quan hệ truyền thống, nhờ Internet và các phương tiện kỹ thuật số mà người ta có thể dễ dàng tiếp xúc với người khác (kể cả những người xa lạ) trong một không gian ảo. Nói cách khác, Internet kết nối những con người từ các nền tảng đa dạng lại với nhau. Mỗi người sẽ trở thành một điểm trong một tập hợp liên kết, sự trải rộng của tập hợp ấy “vượt xa những gì mà người sử dụng có thể tưởng tượng” (Shields, 1996: 7). Với nhiều tính năng của mạng xã hội, những người tham gia vào các thực hành liên quan đến dư luận sẽ dễ dàng trao đổi, thể hiện ý kiến về những vấn đề mình quan tâm. Qua khảo

sát người dân, có thể thấy: Khi họ cảm thấy cần lên tiếng về một vấn đề của địa phương, họ thường sử dụng những cách thức quan phương (ví dụ thông qua các tổ chức chính trị - xã hội), nhưng khi quá bức xúc với một vấn đề gì đó của địa phương thì họ sẽ đưa ý kiến lên mạng xã hội. Theo họ, mạng xã hội là nơi mà nhiều người sẽ biết đến câu chuyện họ muốn nói, nhờ đó câu chuyện sẽ lan xa hơn mức chờ đợi.

Về địa điểm: D. Croteau và W. Hoynes (2003) từng nhận định, Internet đã phá tan sự cách biệt về mặt địa lý giữa những người tương tác. DLXH vùng DTTS hiện nay cũng tương tự, không có một không gian “vật chất” nào tồn tại giữa người đưa thông tin và người tiếp nhận, vì không gian ảo đã xóa nhòa mọi ranh giới: *Thời buổi công nghệ thông tin rồi, đâu phải như ngày xưa. Anh em bây giờ muốn nói chuyện gì cũng không cần phải tụ tập với nhau mới nói được* (nam, 53 tuổi, người Thái, tổ 7, thị trấn Sông Mã, Sông Mã, Sơn La).

R.D. Putnam (1995) từng lo ngại rằng, những xu hướng kỹ thuật đang “riêng tư hóa” hoặc “cá nhân hóa” một cách triệt để việc chúng ta sử dụng thời gian rảnh rỗi, và vì vậy cộng đồng của chúng ta sẽ trở nên tuy rộng nhưng nông hơn. Tuy nhiên, ở nhiều trường hợp nghiên cứu của chúng tôi, người dân khẳng định việc chỉ gặp gỡ gián tiếp qua phương tiện kỹ thuật số không làm giảm đi mối quan hệ của họ với những người khác trong cộng đồng. Ngược lại, trên góc độ nào đó, nó còn có thể làm cho mối quan hệ ấy gắn bó hơn: *Ai cũng bận rộn cả, hết việc mưu sinh lại đến việc nhà của nên có phải lúc nào cũng gặp nhau được đâu, chính nhờ cái điện thoại mà vẫn duy trì được sự giao tiếp thường xuyên. Chia sẻ với nhau được nhiều chuyện, có chung nhiều mối quan tâm thì sự thân*

thiết lại còn tăng lên ấy chứ! (nữ, 35 tuổi, người Tày, khu 1, thị trấn Thất Khê, Trảng Định, Lạng Sơn). Đây cũng chính là một điều kiện thuận lợi cho việc tăng cường sức sống của các thực hành liên quan đến dư luận ở người dân.

Về thời điểm: Các phương tiện truyền thông kỹ thuật số đã xóa đi nhiều giới hạn của sự tương tác về mặt thời gian, hay nói cách khác là xóa đi nhiều giới hạn về những khoảng thời gian (riêng tư) được mặc định là không nên tương tác (giờ ăn, giờ ngủ,...). Việc xâm phạm thời gian riêng tư của người khác có thể không còn bị coi là vấn đề lớn, bởi người tiếp nhận thông tin có thể lựa chọn “đáp lại thông tin” ngay lập tức hay không: *Bây giờ chuyện liên lạc rất thuận tiện, lúc nào cũng được chứ không như trước. Có những việc không trao đổi sớm để quyết định là lỡ mất thời điểm* (nam, 56 tuổi, người Thái, khu 11, thị trấn Mường Tè, Mường Tè, Lai Châu).

Về cách thức: Với việc cân nhắc về các thông tin trước khi trao đổi, chỉ 21,2% số người được hỏi cho biết sẽ trao đổi ngay sau khi nhận được thông tin, còn 49,4% suy nghĩ kỹ rồi mới trao đổi và 27,7% tùy theo vấn đề mà quyết định (Bảng 1). Như vậy, có tới hơn 3/4 số người được hỏi bộc lộ sự thận trọng trong việc này. Điều này được giải thích rằng: *Bây giờ dân trí mở mang hơn, thông tin lại có nhiều nên phải cân nhắc, nói gì cũng nghĩ kỹ rồi mới nói. Nhất là khi mình trao đổi với người của chính quyền và đoàn thể về những cái có liên quan đến quyền lợi của dân tộc mình, mình không thể nói bừa được. Đây cũng là trách nhiệm công dân nữa* (nam, 61 tuổi, người Thái, khối 4, thị trấn Tân Lạc, Quỳnh Châu, Nghệ An). Khi xem xét việc này trong mối tương quan với việc sử dụng Internet, có thể thấy những người sử dụng Internet chính

là những người cân nhắc thận trọng hơn cả trong việc trao đổi thông tin (xem Bảng 1).

Bảng 1: Thời điểm trao đổi những thông tin quan trọng sau khi tiếp nhận (%)

	Có sử dụng Internet	Không sử dụng Internet	Chung
1. Trao đổi ngay	12,9	26,3	21,2
2. Suy nghĩ kỹ rồi mới trao đổi	57,8	44,2	49,4
3. Tùy vào từng loại tin, vấn đề mà suy nghĩ kỹ hoặc trao đổi ngay	28,6	27,2	27,7
4. Khác	0,7	2,2	1,6

Khi không đồng ý với cách giải quyết của cán bộ xã/thị trấn trong một vấn đề cụ thể (câu hỏi cho phép chọn nhiều đáp án), 55,7% người được hỏi chọn giải pháp thảo luận, tranh luận để tìm ra cái đúng, 55,0% chọn giải pháp đưa vấn đề ra xin ý kiến ở các cuộc họp thôn/bản/buôn/ấp, 20,2% chọn giải pháp tập hợp mọi người xung quanh để cùng giải quyết, 12,1% chọn giải pháp viết đơn tố cáo, chỉ 8,7% chọn giải pháp phản đối gay gắt bằng lời nói và 0,6% chọn giải pháp dùng vũ lực (Bảng 2). Khi không đồng ý với cách giải quyết của cán bộ ở thôn/bản/buôn/ấp, sự lựa chọn của người dân cũng gần tương tự. Trong đó, những người sử dụng Internet tỏ ra sẵn sàng hơn với tất cả các giải pháp, trừ giải pháp bất hợp pháp là dùng vũ lực.

Để các cấp chính quyền biết đến ý kiến của mình, các cách thức chính của người dân là đề xuất thông qua các kênh như cán bộ thôn/bản/buôn/ấp trên địa bàn (82%), người có uy tín trong cộng đồng sinh sống (48,4%), các tổ chức chính trị - xã hội như đoàn thanh niên, hội phụ nữ, hội cựu chiến binh... (42,5%). Các cách thức được người dân sử dụng ít hơn là: đề xuất thông qua các

Bảng 2: Cách ứng xử khi không đồng ý với kết quả giải quyết (hay cách giải quyết) của cán bộ xã/thị trấn (hoặc Ủy ban xã/thị trấn) về một vấn đề cụ thể (%)

	Có sử dụng Internet	Không sử dụng Internet	Chung
1. Thảo luận, tranh luận cùng cán bộ để tìm ra cái đúng	61,5	52,2	55,7
2. Tập hợp mọi người xung quanh để cùng giải quyết	22,0	19,1	20,2
3. Phản đối gay gắt bằng lời nói	10,6	7,5	8,7
4. Đưa vấn đề ra xin ý kiến ở cuộc họp thôn/bản	58,5	52,8	55,0
5. Viết đơn khiếu nại, tố cáo	16,3	9,6	12,1
6. Dùng sức mạnh/vũ lực để giải quyết	1,0	0,4	0,6
7. Không phản ứng gì, chấp nhận tuân theo	15,3	29,1	23,8

cuộc bầu cử địa phương bằng phiếu (29,7%), đề đạt trực tiếp tại các cơ quan công quyền (23,1%), đề đạt bằng văn bản (đơn, thư) lên các cấp chính quyền theo trình tự (16,8%). Chỉ một số rất ít người lựa chọn cách thức đề xuất ý kiến thông qua các phương tiện công nghệ thông tin (3,3%), báo chí và đài truyền hình/truyền thanh địa phương (1,5%), hay văn bản (đơn, thư) vượt cấp (1,2%). Có thể

thấy, cách thức đề xuất ý kiến của người dân nhìn chung khá phong phú. Đặc biệt, những người sử dụng Internet - một lần nữa - có sự sẵn sàng đáng kể hơn những người khác trong việc lựa chọn các cách thức đa dạng để phản ánh những ý kiến của mình tới các cấp chính quyền (xem Bảng 3).

Có thể nói, trong bối cảnh toàn cầu hóa, những người dân vùng DTTS mà chúng tôi tiếp cận bộc lộ khá rõ sự ý thức về quyền và trách nhiệm của mình trong việc cân nhắc trước khi trao đổi thông tin, trong việc ứng xử khi không đồng ý với kết quả giải quyết (hay cách giải quyết) của cán bộ chính quyền về một vấn đề cụ thể, và trong việc lựa chọn những cách phản ánh để chính quyền các cấp biết đến ý kiến của mình. Trong đó, những người sử dụng Internet là những người “đáp ứng mạnh hơn” với các phương án được đưa ra, nói cách khác

Bảng 3: Cách thức để các cấp chính quyền biết đến ý kiến của mình (%)

	Có sử dụng Internet	Không sử dụng Internet	Chung
1. Đề xuất ý kiến thông qua người có uy tín trong cộng đồng sinh sống	46,8	49,5	48,4
2. Đề xuất ý kiến thông qua cán bộ thôn/bản/buôn/ấp trên địa bàn	79,8	83,4	82,0
3. Đề xuất ý kiến thông qua các tổ chức chính trị - xã hội (đoàn thanh niên, hội phụ nữ, hội cựu chiến binh...)	44,6	41,2	42,5
4. Đề xuất ý kiến thông qua báo chí và đài truyền hình/truyền thanh địa phương	2,5	0,9	1,5
5. Đề xuất ý kiến thông qua các phương tiện công nghệ thông tin, internet (facebook, zalo...)	8,0	0,3	3,3
6. Thông qua các cuộc bầu cử địa phương bằng các lá phiếu	34,1	26,9	29,7
7. Đề đạt trực tiếp tại các cơ quan công quyền	26,2	21,3	23,1
8. Bằng văn bản (đơn, thư) lên các cấp chính quyền theo trình tự	23,3	12,8	16,8
9. Bằng văn bản (đơn, thư) vượt cấp	1,2	1,3	1,2

họ kiên quyết hơn rõ rệt trong việc bảo vệ những lợi ích mà họ xem là chính đáng của bản thân và của những người khác.

Như vậy, toàn cầu hóa đang thực sự trở thành yếu tố quan trọng chi phối DLXH vùng DTTS Việt Nam. Trong bức tranh chung khá khả quan, như kết quả khảo sát đã chỉ ra, nổi bật lên là sự tự tin và quyết đoán của những người có mối gắn kết với Internet. Đây là một ví dụ nữa cho thấy không gian Internet đã góp phần tạo nên không gian hiện thực ra sao.

Kết luận

Mặc dù, nói như N.L. Jamieson và cộng sự (1998), không có câu chuyện hoang đường rằng các DTTS nằm tĩnh tại trong lịch sử và không tương tác với bên ngoài, nhưng toàn cầu hóa vẫn là bối cảnh rất quan trọng cho những biến đổi hết sức đa dạng và nhanh chóng ở vùng DTTS của Việt Nam những thập niên qua. Toàn cầu hóa, theo cách của mình, đã tác động đến DLXH ở vùng DTTS với mức độ rất đáng kể. Nhờ bước tiến vượt bậc của công nghệ thông tin, sự tiếp cận với thế giới rộng lớn bên ngoài đã làm thay đổi nhiều thực hành liên quan đến DLXH của người dân nơi đây □

Tài liệu tham khảo

1. Baker, C. (2008), *Cultural Studies: Theory and Practice*, SAGE Publications, London.
2. Cantril, H. (1966), *The Pattern of Human Concerns*, Rutgers University Press, New Brunswick.
3. Croteau, D., Hoynes, W. (2003), *Media Society: Industries, Images and Audiences*, Pine Forge Press, Thousand Oaks, Calif.
4. Jamieson, N.L., Le, T.C., Rambo, T.A. (1998), "The Development Crisis in Vietnam's Mountains", *East-West Centre Special Report*, No. 6, Hawaii.
5. Landow, G. (2005), "Hypertext and Critical Theory", in: D. Trend (ed.), *Reading Digital Culture*, Blackwell, Oxford.
6. Poster, M. (1997), "Cyberdemocracy: The Internet and the Public Sphere", in: D. Poster (ed.), *Internet Culture*, Routledge, London.
7. Putnam, R.D. (1995), "Bowling Alone: America's Declining Social Capital", *Journal of Democracy*, 6(1): 65-78.
8. Sassen, S. (2002), "Mediating Practices: Women with/in Cyberspace", in: J. Armitage and Roberts (eds), *Living with Cyberspace: Technology and Society in the 2st century*, Continuum, New York.
9. Shields, R. (ed., 1996), *Cultures of the Internet: Virtual Spaces, Real Histories, Living Bodies*, SAGE, London.
10. Trend, D. (ed., 2005), *Reading Digital Culture*, Blackwell, Oxford.